TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2021
V/v "Ly hôn giữa chị Ng và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện
2. ÔngTrần Anh Dũng

***- Thư ký phiên toà*:**Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bàn Thị Ng, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn:anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/8/2020 và quá trình giải Quyết vụ án, nguyên đơn – chị Bàn Thị Ng trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng Q kết hôn ngày 15/8/2017, trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu gia đình anh Q ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống không thể khắc phục được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 05/8/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/01/2018. Hiện cả hai con chung đang do anh Q và gia đình anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, xử chị Ng được ly hôn anh Q; Về con chung: giao cho chị Ng nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 05/8/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/01/2018, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng; Về án phí: chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 16 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị Ng với bị đơn là anh Nguyễn Trọng Q đều trú tại thôn M, xã A, huyện T là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng Q: anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Bàn Thị Ng và anh Nguyễn Trọng Q kết hôn ngày 15/8/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng ban đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng về quan điểm sống không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Qua làm việc với gia đình anh Q và đại diện chính quyền địa phương thì thấy hiện mâu thuẫn giữa chị Ng và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị Ng kiên quyết xin ly hôn anh Q. Vì vậy, HĐXX thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Ng được ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh Q có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 05/8/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/01/2018. Hiện cả hai con chung đang do anh Q và gia đình anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị Ng yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử thấy hiện chị Ng và anh Q đều có công việc và thu nhập đảm bảo việc nuôi con chung. Qua làm việc với đại diện gia đình anh Q và đại diện chính quyền địa phương cho thấy hiện cả cháu C và cháu Ch đều phát triển bình thường. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Ng nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/01/2018, giao cho anh Q tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 05/8/2014. Chị Ng và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Bàn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Trọng Q.

2. Về con chung: giao cho chị Bàn Thị Ng nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 14/01/2018; giao cho anh Nguyễn Trọng Q tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 05/8/2014. Chị Ng và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị Ng, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bàn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000029 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có Qền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang